

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 650, 651 và Điều 660 Bộ luật dân sự năm 2015

Căn cứ vào Biên bản hòa giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 15/2018/TLST-DSST ngày 01 tháng 02 năm 2018.

Căn cứ vào Điểm a, Khoản 2 Điều 27, Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí về lệ phí Tòa án.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thỏa thuận của các đương sự:

***Nguyên đơn:** Ông NVV– Sinh năm 1939

Trú tại: ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông ĐMC, sinh năm 1990

Trú tại: Xóm 2, thôn LT, xã ĐL, huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội.

***Bị đơn:** Ông NVD– Sinh năm 1957

Trú tại: ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Bà TTV– Sinh năm 1964
2. Anh NVTV, sinh ngày 17/8/2014

Cùng trú tại: ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

3. Bà NTM– Sinh 1941
4. Anh NVT, sinh năm 1971
5. Chị NTT, sinh năm 1974
6. Anh NVTN, sinh năm 1976
7. Anh NVT, sinh năm 1979

Cùng trú tại: ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

8. Bà NTM– Sinh năm 1948;

Trú tại: ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

9. Bà NTT, sinh năm 1954;

Trú tại: Thôn SH, xã DS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

10. Bà NTM, sinh năm 1949;

Trú tại: Nhà 3, ngách 124/64 đường ÂC, phường TL, quận Tây Hồ, thành phố Hà Nội.

11. Bà NTL, sinh năm 1961;

Trú tại: Thôn YTi, xã TY, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

+ Về quan hệ huyết thống: Cụ NVC(chết năm 1994) và cụ NTT(chết năm 1997) sinh được 07 người con là ông NVV, sinh năm 1939, ông NVD, sinh năm 1957, ông NVT (mất năm 2009), bà MTM, sinh năm 1948, bà NTT, sinh năm 1954, bà NTM, sinh năm 1949 và bà NTL, sinh năm 1961, ngoài ra các cụ không có con nuôi và con riêng nào khác.

+ Về di sản thừa kế: Xác định di sản thừa kế của cụ NVC(chết năm 1994) và cụ NTT(chết năm 1997) là 792,8m² đất thổ cư và đất vườn tại Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00434/QSDD/945QĐ ngày 01/7/2002 mang tên hộ ông NVDtại ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

+ Các đương sự thống nhất phân chia di sản thừa kế như sau:

- Ông NVVđược quyền sử dụng 52,6m² đất (trong đó có 42,6m² đất thổ cư và 10m² đất vườn) có chiều rộng theo đường làng và chiều rộng giáp phần đất của ông Vlà 1,6m, chiều dài giáp phần đất của ông D là 29,8m, giáp phần đất của anh Huy và của ông là 30,53m tại Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ 00434/QSDD/945QĐ ngày 01/7/2002 mang tên hộ ông NVDtại ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Trên phần đất của ông Vđược quyền sử dụng có 4 đoạn tường bao, 01 bể nước mưa và 01 cây hương.

- Ông NVDđược quyền sử dụng 740,2m² đất (trong đó có 422,8m² đất vườn và 317,4m² đất thổ cư) tại Thửa đất số 20, Tờ bản đồ số 02, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông NVDtại ThônDX, xã ĐS, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Trên phần đất ông D được quyền sử dụng có 01 ngôi nhà cấp 4 cùng công trình phụ, cây cối, tường bao.

Các công trình và cây cối có trên phần đất của ai người đó được hưởng, không phải thanh toán chênh lệch giá trị.

(Việc phân chia đất có sơ đồ kèm theo).

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông NVVrút yêu cầu huỷ chúc thư ngày 16/10/1984 của cụ Châu và cụ Trì.

+ Ghi nhận sự tự nguyện của ông NVDvà bà NTVkhông yêu cầu ông NVVphải thanh toán giá trị tường bao, 01 bể nước mưa, 01 cây hương.

Các bên đương sự có nghĩa vụ đến Cơ quan có thẩm quyền đăng ký biến động đất theo quy định của pháp luật.

(Ghi nhận các bên đã thực hiện xong việc giao nhận tài sản cho nhau).

3. Về án phí:

+ Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông NVV và ông NVD.

+ Trả lại ông NVV 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) dự phí đã nộp theo biên lai số 0007892 ngày 01/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

5. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Các đương sự;
- TANDTP. Hà Nội;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Phạm Thanh Hải

